

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY VỤ ĐÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Văn Nhiệm^{1*}, Nguyễn Thị Minh Hiền²

¹*Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình*

²*Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email : Nhiemnngp@yahoo.com.vn*

Ngày nhận bài: 04.12.2015

Ngày chấp nhận: 18.03.2016

TÓM TẮT

Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là huyện nông nghiệp có truyền thống thâm canh sản xuất lúa và phát triển sản xuất cây vụ đông. Những năm gần đây, vụ đông đang dần trở thành vụ sản xuất chính của huyện. Năm 2013, diện tích vụ đông ở huyện Quỳnh Phụ đạt 6.456 ha, tăng so với năm 2011 là 3,46%. Cơ cấu cây trồng vụ đông đa dạng phong phú có nhiều cây mang lại hiệu quả kinh tế cao góp phần tăng giá trị sản xuất lên hàng trăm tỷ đồng (năm 2013 đạt 650 tỷ đồng). Từ năm 2011 đến năm 2013, cây ớt cho giá trị cao đến 25 triệu đồng/sào theo giá thực tế, tiếp đó là bí xanh, su hào, khoai tây, ngô ngọt, ngô bao tử. Để phát triển sản xuất vụ đông ở huyện Quỳnh Phụ đạt hiệu quả kinh tế cao hơn nữa, nghiên cứu áp dụng phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh và một số công cụ phân tích kinh tế khác, tập trung giải quyết ba mục tiêu chính sau: (i) đánh giá thực trạng phát triển sản xuất vụ đông; (ii) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển cây vụ đông trên địa bàn huyện; (iii) đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất vụ đông trong những năm tới đạt hiệu quả kinh tế cao.

Từ khoá: Giải pháp, phát triển, Quỳnh Phụ, vụ đông.

Solutions for Winter Crop Development in Quynh Phu District, Thai Binh Province

ABSTRACT

Quynh Phu district of Thai Binh province is an agriculture-based district with long tradition of intensive rice farming and winter crops cultivation. Winter season has become one of the main cropping seasons of the district. In 2013, winter crop cultivated area in Quynh Phu was 6,456 hectares, increased by 3.46% in comparison with the figure in 2011. The winter cropping pattern is diversified with various high value crops, resulting in an increase in its annual production value of hundreds of billions VND (VND650 billion in 2013). During 2011- 2013, production value of winter chilies was up to VND25 million/sao at the constant price, followed by bittergourd, sweet corn, baby corn, cucumber, potato, kohlrabi, tomato, wax gourd, and pumpkin. In order to further develop winter production in Quynh Phu district towards higher production efficiency, the paper concentrates on three main objectives : (i) to evaluate results of the winter crop production; (ii) to investigate the factors affecting winter crop development in the district; and (iii) to propose feasible solutions to promote winter crop production in the next years towards high economic efficiency.

Keywords: Quynh Phu district, winter crops production.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngoài hai vụ lúa, vụ đông là vụ sản xuất thứ ba trong năm, thường được xem là vụ sản xuất phụ. Trong những năm gần đây, phát triển sản xuất vụ đông ở Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã tạo ra nhiều nông sản hàng hóa có giá trị

kinh tế cao, đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng, giải quyết được dư thừa lao động ở nông thôn, tăng thu nhập cho người lao động. Do vậy, phát triển sản xuất vụ đông ở huyện Quỳnh Phụ là hướng đi đúng, phù hợp với nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV nhiệm kỳ 2010 - 2015 và có ý nghĩa cả về mặt lý

luận và thực tiễn góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội trong huyện phát triển. Tuy nhiên, sản xuất vụ đông ở Quỳnh Phụ đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức, đó là: phát triển thiếu ổn định, chưa mở rộng hết diện tích vụ đông trên đất hai lúa ở một số xã phía Nam của huyện, năng suất một số cây trồng còn thấp, hiệu quả đạt được chưa cao, tiềm năng phát triển vụ đông còn rất lớn nhưng các hộ nông dân trong huyện chưa khai thác đầy đủ và hợp lý¹. Vấn đề đặt ra là lựa chọn phát triển loại cây vụ đông nào là chủ lực? Quy mô diện tích bao nhiêu là hợp lý? Thị trường tiêu thụ sản phẩm vụ đông như thế nào? Cần có những chính sách gì để hỗ trợ và khuyến khích nông dân phát triển sản xuất vụ đông trong những năm tới? Nghiên cứu tập này tập trung đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cây vụ đông trên địa bàn huyện, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất vụ đông giai đoạn 2011 - 2013; từ đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu phát triển sản xuất vụ đông ở huyện Quỳnh Phụ trong những năm tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu thứ cấp và sơ cấp được sử dụng một cách linh hoạt để giải quyết vấn đề nghiên cứu. *Số liệu thứ cấp* được thu thập từ báo cáo Đề án sản xuất vụ đông của UBND tỉnh Thái Bình và huyện Quỳnh Phụ giai đoạn 2011 - 2013; Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 02 của Tỉnh ủy Thái Bình về phát triển sản xuất cây màu và cây vụ đông giai đoạn 2007 - 2012, Báo cáo sản xuất vụ đông của các địa phương (xã) và sách tạp chí có liên quan đến phát triển sản xuất vụ đông. *Số liệu sơ cấp* được thu thập qua các kênh: (i) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật tại phòng Nông nghiệp huyện, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; (ii) điều tra 195 hộ sản xuất cây vụ đông phân nhóm theo quy mô và năng lực sản xuất. Số liệu sau khi tổng hợp, xử lý được phân tích thông qua áp dụng các phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh và một số công cụ phân tích kinh tế khác.

Một số chỉ tiêu nghiên cứu áp dụng trong tính kết quả sản xuất của cây vụ đông:

¹ Phòng vấn chuyên sâu cán bộ phòng Nông nghiệp huyện

- Tổng chi phí sản xuất (GO - Gross Output): Là giá trị bằng tiền của toàn bộ các loại nông sản phẩm thu hoạch được trong một vụ hay một năm.

- Chi phí trung gian (IC - Intermediate Cost): Là toàn bộ các khoản chi phí vật chất và dịch vụ được sử dụng trong quá trình sản xuất như: Giống, phân bón, công làm đất, bảo vệ thực vật...

- Giá trị tăng thêm (VA): Là phần giá trị tăng thêm của người lao động khi sản xuất trên một đơn vị diện tích trong một vụ.

$$VA = GO - IC$$

- Thu nhập hỗn hợp (MI): Là phần thu nhập thuần túy của người sản xuất bao gồm thu nhập của công lao động và lợi nhuận khi sản xuất một đơn vị diện tích lúa trong một vụ.

$$MI = VA - (A+T+W)$$

A: Giá trị khấu hao của TSCĐ và các chi phí phân bổ.

T: Thuế nông nghiệp phải nộp.

W: Công lao động đi thuê.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển sản xuất vụ đông của huyện Quỳnh Phụ giai đoạn 2011 - 2013

Vụ đông ở Quỳnh Phụ phát triển với các cây trồng phong phú, diện tích trồng có giá trị kinh tế cao tiếp tục được mở rộng mang lại nguồn thu nhập lớn cho nông dân. Cùng với quy hoạch nông thôn mới, các cây trồng đã được người dân đưa vào gieo trồng thành những cánh đồng mẫu lớn sản xuất hàng hóa tập trung như cây ớt, khoai tây, ngô nếp, ngô ngọt, dưa chuột, bí xanh. Vụ đông năm 2013, diện tích canh tác cây vụ đông toàn huyện đạt 6.456 ha, tăng 3,46% so với năm 2011. Nhóm cây lương thực vụ đông, điển hình là ngô và khoai lang, chiếm tỷ trọng lớn, tuy nhiên đang có xu hướng giảm đi trong gian đoạn 2011 - 2013 với tỉ lệ giảm lần lượt là 3,33% và 11,24%. Nhóm cây giá trị kinh tế cao có xu hướng tăng về quy mô. Cụ thể: diện tích trồng ớt tăng 8,29%; bí xanh tăng 70%, khoai tây tăng 69,26%. Sở dĩ có sự thay đổi về quy mô

sản xuất trên, do nhu cầu thị trường chế biến nông sản đối với những cây trồng này tăng mạnh. Hơn nữa, riêng với cây khoai tây được Sở Nông nghiệp tỉnh Thái Bình ban hành chủ trương hỗ trợ giống từ năm 2011.

Năng suất các cây trồng vụ đông tương đối ổn định, song vụ đông năm 2012 năng suất một số cây trồng thấp hơn do ảnh hưởng của cơn bão số 8 ngày 20/10/2012 đã làm trên 6.000 ha diện tích đã trồng của huyện bị dập nát, một số diện tích bị chết phải trồng bổ sung nhưng không đảm bảo về thời vụ nên năng suất bị ảnh hưởng đáng kể (Bảng 2).

Với diện tích và năng suất như trên, tổng giá trị sản xuất vụ đông năm 2013 của huyện Quỳnh Phụ đạt trên 650 tỷ đồng (theo giá thực tế). Một số hộ thu nhập bình quân trong vụ đông đạt trên 100 triệu đồng. Điển hình như hộ

bà Phạm Thị Tĩnh, thôn Đông Thành - xã An Ấp gieo trồng 6 sào ớt thu nhập 100 triệu đồng, hộ ông Nguyễn Văn Hải, thôn An Phú II - xã Quỳnh Hải, gieo trồng 5 sào su hào, 3 sào ớt thu nhập trên 100 triệu đồng, hộ ông Nguyễn Văn Minh thôn Phụng Công - xã Quỳnh Hội gieo trồng 6 sào ớt thu nhập 110 triệu đồng (Báo cáo tổng kết công tác nông nghiệp của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, 2013)

3.2. Tình hình chế biến và tiêu thụ sản phẩm

Mặc dù sản xuất tương đối phát triển song việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm vụ đông trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn. Kết quả khảo sát 195 hộ dân tham gia sản xuất cây vụ đông cho thấy, phần lớn sản phẩm cây vụ đông được bán ngay sau khi thu hoạch, chỉ một ít hộ dân chế biến thành các sản phẩm dưa, cà muối,

Bảng 1. Diện tích và cơ cấu diện tích cây trồng vụ đông năm 2011 – 2013 ở Quỳnh Phụ

| Cây vụ đông | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | | Tốc độ phát triển BQ (%) |
|-----------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|--------------------------|
| | DT (ha) | Cơ cấu (%) | DT (ha) | Cơ cấu (%) | DT (ha) | Cơ cấu (%) | |
| 1. Ngô | 1.743 | 27,93 | 1731 | 27,30 | 1685 | 26,10 | 98,32 |
| 2. Khoai lang | 338 | 5,42 | 242,1 | 3,82 | 300 | 4,65 | 94,21 |
| 3. Khoai tây | 849 | 13,61 | 421,6 | 6,65 | 588 | 9,11 | 83,22 |
| 4. Ớt | 940 | 15,06 | 965,4 | 15,23 | 1018 | 15,77 | 104,07 |
| 5. Đậu tương | 115 | 1,84 | 332,4 | 5,24 | 259 | 4,01 | 150,07 |
| 6. Lạc | 25 | 0,40 | 39,9 | 0,63 | 60 | 0,93 | 154,92 |
| 7. Bí xanh (đỏ) | 565 | 9,05 | 634,5 | 10,01 | 965 | 14,95 | 130,69 |
| 8. Dưa các loại | 110 | 1,76 | 166,1 | 2,62 | 63 | 0,98 | 75,68 |
| 9. Rau các loại | 1.555 | 24,91 | 1.807,8 | 28,51 | 1518 | 23,51 | 98,80 |
| Tổng | 6240 | 100 | 6340,8 | 100 | 6456 | 100 | 101,72 |

Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ và tính toán của nhóm tác giả

Bảng 2. Năng suất một số cây trồng vụ đông ở huyện Quỳnh Phụ từ năm 2011 – 2013 (tạ/ha)

| Cây trồng | 2011 | 2012 | 2013 | So sánh (%) | | |
|-----------------|--------|--------|--------|-------------|-----------|-------|
| | | | | 2012/2011 | 2013/2012 | BQ |
| 1. Ngô | 54 | 42,5 | 55 | 78,7 | 129,4 | 101,9 |
| 2. Khoai Lang | 120 | 115 | 125 | 95,8 | 108,7 | 104,2 |
| 3. Khoai tây | 160 | 152 | 160 | 95,0 | 105,3 | 100,0 |
| 4. Đậu tương | 16 | 12 | 13,5 | 75,0 | 112,5 | 84,4 |
| 5. Bí xanh | 229 | 230 | 235 | 100,4 | 102,2 | 102,6 |
| 6. Rau các loại | 216,12 | 215,22 | 206,27 | 99,6 | 95,8 | 95,4 |

Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ và tính toán của nhóm tác giả

ớt ngâm,... với sản lượng hạn chế và giá trị không cao. Tỷ lệ sản phẩm bán cho người thu gom trên địa bàn chiếm 84,39% tổng số hộ bán sản phẩm không qua chế biến, chỉ một ít hộ dân có nhân lực bán sản phẩm ở các chợ trên địa bàn huyện (Bảng 3).

Khó khăn hiện nay trong tiêu thụ sản phẩm là hầu hết hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp làm dịch vụ cung ứng đầu vào mà chưa có vai trò trong việc hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện. Trong khi đó, các doanh nghiệp chế biến chủ yếu thực hiện các hợp đồng thu mua sản phẩm thông qua người thu gom trên địa bàn, chưa trực tiếp ký hợp đồng với người dân do còn hạn chế trong việc chủ động nguồn sản phẩm.

3.3. Kết quả và hiệu quả sản xuất vụ đông của các hộ điều tra

3.2.1. Kết quả và hiệu quả của một số cây trồng theo các nhóm hộ điều tra

Tổng hợp kết quả và hiệu quả một số cây trồng chủ lực của các nhóm hộ điều tra tại 3 xã nghiên cứu vụ đông 2013 ở huyện Quỳnh Phụ cho thấy:

Đối với cây ớt: Diện tích gieo trồng cả huyện đạt 1.018 ha, tập trung theo vùng chủ yếu ở xã Quỳnh Hải (đạt 120 ha), An Ấp (121 ha) và xã Quỳnh Hội (80 ha). Số liệu điều tra cho thấy giá trị sản xuất của các nhóm hộ khá đạt trên 21 triệu đồng/sào, cao hơn hộ trung bình và hộ nghèo (11 triệu đồng/sào). Đây cũng là cây trồng mang lại giá trị gia tăng tương đối cao nhưng chi phí đầu tư cũng lớn đang gây trở ngại cho những hộ có mức thu nhập trung bình và thấp.

Với cây ngô đông, cây đậu tương, hiệu quả của nhóm cây trồng này ở các nhóm hộ yếu cao hơn so với các hộ có thu nhập khá. Đặc biệt, một

đồng đầu tư so với chi phí trung gian thu được cao hơn các nhóm khác. Nguyên nhân của thực tế trên là do hộ nghèo đầu tư phân bón ít hơn hộ trung bình và khá.

Nhóm cây khoai tây, bí xanh và cây su hào là những cây trồng hiện mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân. Giá trị gia tăng trên một công lao động khá cao đạt trên 300 nghìn/công lao động. Đây cũng là nhóm cây trồng đòi hỏi đầu tư cao nên đối với các hộ yếu việc đầu tư sản xuất mở rộng là tương đối khó khăn.

3.2.2. Kết quả và hiệu quả của một số cây trồng chủ yếu theo các vùng khảo sát

Kết quả khảo sát một số cây trồng vụ đông chủ yếu tại 195 hộ ở 3 xã cho thấy, xét về giá trị sản xuất/ha cây vụ đông năm 2013, An Ấp là xã có lợi thế phát triển về cây ớt với giá trị sản xuất hàng hóa cao. Đối với xã Quỳnh Hải, do có lợi thế về vị trí địa lý và chất đất phù hợp với các loại cây rau ngắn ngày như bí xanh, xu hào, đậu tương nên giá trị gia tăng trên 1 đồng chi phí mang lại cao hơn so với các xã khác. Riêng với xã Quỳnh Hội, khoai tây và ngô là những sản phẩm phát triển vụ đông phù hợp với địa phương. Kết quả và hiệu quả kinh tế cụ thể của các loại cây trồng của các hộ nông dân ở một số vùng khảo sát được thể hiện trong bảng 4.

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất vụ đông ở Quỳnh Phụ

Qua kết quả khảo sát hộ nông dân, cán bộ phụ trách nông nghiệp và chính quyền cấp xã/huyện cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng tích cực đến phát triển vụ đông trên địa bàn huyện, bao gồm nhóm các yếu tố chính được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 3. Tình hình chế biến và tiêu thụ sản phẩm cây trồng vụ đông

| Người tiêu thụ sản phẩm | Hộ yếu | | Hộ trung bình | | Hộ khá | | Bình quân | |
|--------------------------------------|--------|-----------|---------------|-----------|--------|-----------|-----------|-----------|
| | Số hộ | Tỷ lệ (%) | Số hộ | Tỷ lệ (%) | Số hộ | Tỷ lệ (%) | Số hộ | Tỷ lệ (%) |
| Số hộ có sản phẩm qua chế biến | 5 | 16,67 | 14 | 13,33 | 3 | 5,00 | 22 | 11,28 |
| Số hộ có sản phẩm không qua chế biến | 25 | 83,33 | 91 | 86,67 | 57 | 95,00 | 173 | 88,72 |
| Người tiêu dùng | 13 | 52,00 | 31 | 34,07 | 3 | 5,26 | 47 | 27,17 |
| Người thu gom | 13 | 52,00 | 79 | 86,81 | 54 | 94,74 | 146 | 84,39 |

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Bảng 4. Kết quả và hiệu quả của một số loại cây vụ đông chính của các hộ điều tra năm 2013 (Tính trên 1 sào)

| Cây trồng | ĐVT | Hộ khá | Hộ trung bình | Hộ yếu | Tính BQ chung |
|--------------------------|-----------|--------|---------------|--------|---------------|
| I. Cây ớt | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 21.012 | 18.231 | 11.508 | 16.917 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 12.712 | 10.331 | 5.508 | 9.517 |
| 3. GO/IC | lần | 2,53 | 2,31 | 1,92 | 2,29 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 471 | 383 | 204 | 352 |
| II. Ngô | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 1.910 | 2.187 | 2.413 | 2.170 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 756 | 1.033 | 1.259 | 1.016 |
| 3. GO/IC | lần | 1,66 | 1,90 | 2,10 | 1,89 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 151 | 207 | 252 | 203 |
| III. Đậu tương | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 2.167 | 2.260 | 2.314 | 2.247 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 967 | 1060 | 1114 | 1047 |
| 3. GO/IC | lần | 1,81 | 1,88 | 1,93 | 1,87 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 161 | 177 | 186 | 175 |
| IV. Khoai tây | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 3.797 | 4.453 | 3.600 | 3.950 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 1.797 | 2.53 | 1.600 | 1.950 |
| 3. GO/IC | lần | 1,90 | 2,23 | 1,80 | 1,98 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 300 | 409 | 267 | 325 |
| V. Bí xanh | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 8.489 | 7.231 | 5.781 | 7.167 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 5689 | 4431 | 2981 | 4367 |
| 3. GO/IC | lần | 3,03 | 2,58 | 2,06 | 2,56 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 569 | 443 | 298 | 437 |
| VI. Su hào | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 7.869 | 6.500 | 5.632 | 6.667 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 5.369 | 4.000 | 3.132 | 4.167 |
| 3. GO/IC | lần | 3,15 | 2,60 | 2,25 | 2,67 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 447 | 333 | 261 | 347 |

Nguồn : Số liệu điều tra của nhóm tác giả

Điều kiện tự nhiên, thời tiết

Sản xuất nông nghiệp nói chung, chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố tự nhiên, điển hình là diễn biến phức tạp của thời tiết. Ở Quỳnh Phụ, sản xuất vụ Đông giai đoạn 2011- 2013 phải đối mặt với hàng loạt khó khăn do thời tiết, sâu bệnh, giá cả thị trường các yếu tố đầu vào tăng cao làm giảm về diện tích, năng suất, sản lượng. Cụ thể, có 93,33% số người được hỏi cho rằng thời

tiết thay đổi bất thường như rét đậm, rét hại tăng cường cộng với hiện tượng sương muối đã ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất cây vụ đông trên địa bàn huyện trong thời gian gần đây.

Sự chỉ đạo của chính quyền địa phương

Sự chỉ đạo của chính quyền địa phương các cấp đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng quy mô, thời vụ và kĩ thuật sản xuất. Năm 2013, cấp ủy, chính quyền và các ban

ngành đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo chỉ đạo chủ trương phát triển sản xuất vụ đông, trong đó chú ý nhất là việc chỉ đạo bố trí tối đa diện tích trà lúa mùa sớm và cực sớm với các giống lúa ngắn ngày để thu hoạch lúa mùa xong trước ngày 5 tháng 10 tạo quỹ đất

gieo trồng cây vụ đông ưa ẩm đúng thời vụ. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên đài phát thanh của huyện, xã phổ biến cơ chế chính sách phát triển vụ đông của tỉnh và huyện, kỹ thuật gieo trồng để nông dân tiếp thu và áp dụng.

Bảng 5. Kết quả và hiệu quả của một số cây trồng chính ở các xã điều tra năm 2013
(Tính trên 1 sào)

| Cây trồng | ĐVT | Quỳnh Hải | Quỳnh Hội | An Ấp | Tính BQ chung |
|--------------------------|-----------|-----------|-----------|--------|---------------|
| I. Cây ớt | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 15.355 | 16.663 | 18.733 | 16.917 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 7.955 | 9.263 | 11.333 | 9.517 |
| 3. GO/IC | đồng | 2,08 | 2,25 | 2,53 | 2,29 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 295 | 343 | 420 | 352 |
| II. Ngô | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 2.121 | 2.233 | 2.156 | 2.170 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 967 | 1079 | 1002 | 1016 |
| 3. GO/IC | đồng | 1,84 | 1,94 | 1,87 | 1,89 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 193 | 216 | 200 | 203 |
| III. Đậu tương | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 2.460 | 2.260 | 2.021 | 2.247 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 1.260 | 1.060 | 821 | 1.047 |
| 3. GO/IC | đồng | 2,05 | 1,88 | 1,68 | 1,87 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 210 | 177 | 137 | 175 |
| IV. Khoai tây | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 4.000 | 4.250 | 3.600 | 3.950 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 2.000 | 2.250 | 1.600 | 1.950 |
| 3. GO/IC | đồng | 2,00 | 2,13 | 1,80 | 1,98 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 333 | 375 | 267 | 325 |
| V. Bí xanh | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 8.500 | 7.000 | 6.000 | 7.167 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 5.700 | 4.200 | 3.200 | 4.367 |
| 3. GO/IC | đồng | 3,04 | 2,50 | 2,14 | 2,56 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 570 | 420 | 320 | 437 |
| VI. Su hào | | | | | |
| 1. Giá trị sản xuất (GO) | 1000 đồng | 7.500 | 6.500 | 6.000 | 6.667 |
| 2. Giá trị GT (VA) | 1000 đồng | 5.000 | 4.000 | 3.500 | 4.167 |
| 3. GO/IC | đồng | 3,00 | 2,60 | 2,40 | 2,67 |
| 4. VA/LĐ | đồng | 417 | 333 | 292 | 347 |

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm tác giả

Bảng 6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển cây vụ đông huyện Quỳnh Phụ

| Các yếu tố ảnh hưởng | Ý kiến của người dân (n = 195) | |
|--|--------------------------------|-----------|
| | Số lượng (ý kiến) | Tỷ lệ (%) |
| Điều kiện tự nhiên, thời tiết | 182 | 93,33 |
| Chỉ đạo sản xuất của cấp huyện/xã | 167 | 85,64 |
| Cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, thủy lợi) | 178 | 91,28 |
| Công tác BVTV | 165 | 84,62 |
| Áp dụng tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất | 164 | 84,10 |
| Tập huấn kĩ thuật sản xuất | 171 | 87,69 |
| Yếu tố thị trường | 187 | 95,90 |

Nguồn: Tổng hợp kết quả phỏng vấn hộ nông dân, 2013

Hộp 1. Nguyên nhân chuyển đổi cây trồng vụ đông

Ba năm trước trong một lần nghe trên đài truyền thanh của xã có chủ trương phát triển cây vụ đông, đặc biệt là cây ớt trên địa bàn xã An Ấp, qua buổi truyền thanh tôi được biết cây ớt có giá trị cao hơn. Sau lần đó, tôi có hỏi cán bộ khuyến nông xã thì được biết đất nhà tôi phù hợp với trồng ớt, tôi cùng với một số hộ mạnh dạn chuyển sang trồng ớt, trong 3 năm nay thấy hiệu quả hơn hẳn cây Ngô.

Bà Phạm Thị Tĩnh thôn Đông Thành – xã An Ấp

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sản xuất ở một số xã, thị trấn chưa sâu sát và quyết liệt nên không hoàn thành kế hoạch diện tích vụ đông huyện giao. Sự phối, kết hợp giữa cấp ủy Đảng, chính quyền và Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp ở một số địa phương trong công tác chỉ đạo, sản xuất chưa nhịp nhàng, đồng bộ, có địa phương giao hết công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp cho Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp (Phỏng vấn sâu cán bộ phòng nông nghiệp huyện, 2013).

Cơ sở hạ tầng nông thôn

Có đến 91,28% (Bảng 6) ý kiến đánh giá cơ sở hạ tầng nông thôn có ảnh hưởng tích cực đến phát triển cây vụ đông trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ. Thực tế cho thấy, hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng, đường giao thông trực

chính nội đồng được quan tâm đầu tư phù hợp với quy định tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới, xây dựng phương án tưới tiêu phục vụ sản xuất vụ đông, có kế hoạch tiêu úng cục bộ khi mưa lớn xảy ra, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và tiêu thụ phát triển, góp phần tăng năng suất cây vụ đông cũng như giúp vận chuyển nông sản phẩm được dễ dàng hơn.

Tập huấn và áp dụng kĩ thuật trong sản xuất

Các tiến bộ kĩ thuật về giống cây trồng, phân bón, kĩ thuật canh tác nhất là việc cơ giới hóa các khâu làm đất, gieo hạt, thu hoạch vào sản xuất vụ Đông, khắc phục tình trạng thiếu lao động trong sản xuất nông nghiệp, giải quyết được yêu cầu khát khe về thời vụ của cây vụ Đông ưa ấm.

Hàng năm, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện tăng cường công tác tập huấn, thông tin tuyên truyền qua nhiều hình thức giúp nông dân nhận thức đầy đủ về sản xuất hàng hóa, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các kĩ thuật canh tác khác, chú trọng phát huy tập quán, kinh nghiệm sản xuất của người dân, giúp người nông dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất vụ đông.

Qua số liệu bảng 7 ta thấy, số lượng người tham gia tập huấn cả ba nội dung không ngừng tăng lên qua các năm. Hơn nữa, kết quả tập huấn còn được thể hiện qua việc áp dụng các kĩ thuật vào trong sản xuất với tỉ lệ cao, qua đó có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển sản xuất cây vụ đông theo hướng mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản.

Bảng 7. Kết quả các khóa tập huấn kỹ thuật canh tác cây vụ đông từ năm 2011 – 2013

| Diễn giải | Kỹ thuật phòng trừ sâu, bệnh hại | | Kỹ thuật sử dụng các loại phân bón qua lá | | Quản lý dịch hại tổng hợp(IPM) | |
|---|----------------------------------|-----------|---|-----------|--------------------------------|-----------|
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| - Số lượng lớp tập huấn (lớp) | 3 | - | 4 | - | 3 | - |
| - Số người được tham gia tập huấn (người) | 143 | 73,33 | 151 | 77,44 | 155 | 79,49 |
| - Kết quả đánh giá | | | | | | |
| Áp dụng tốt | 128 | 89,51 | 116 | 76,82 | 96 | 61,94 |
| Khó áp dụng | 3 | 2,10 | 23 | 15,23 | 47 | 30,32 |
| Bình thường | 12 | 8,39 | 12 | 7,95 | 12 | 7,74 |

Nguồn: Kết quả điều tra và tính toán của nhóm nhóm tác giả

Bên cạnh đó, công tác bảo vệ thực vật được dự tính, dự báo chính xác các đối tượng sâu bệnh hại và tổ chức chỉ đạo phòng, trừ quyết liệt, đạt hiệu quả cao.

Yếu tố thị trường

Tiêu thụ sản phẩm là khâu cuối cùng đưa sản phẩm ra thị trường, đóng vai trò quyết định trong việc đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất cây vụ đông. Thị trường tiêu thụ ổn định, giá cả hợp lý sẽ là tín hiệu khả quan giúp các hộ nông dân mở rộng sản xuất cây vụ đông trong vụ mới; ngược lại, thị trường bấp bênh, giá cả không ổn định sẽ làm người dân mất niềm tin, không dám đầu tư và mở rộng sản xuất. Trên thực tế, việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân ở huyện Quỳnh Phụ còn gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ chưa thực sự ổn định do không có kí kết hợp đồng tiêu thụ rõ ràng từ đầu vụ nên đã ảnh hưởng lớn đến việc mở rộng diện tích gieo trồng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất vụ đông những năm gần đây.

3.4. Một số giải pháp phát triển vụ đông ở huyện Quỳnh Phụ giai đoạn 2014 - 2020

3.4.1. Mục tiêu

Phấn đấu năm 2016 diện tích vụ đông của huyện Quỳnh Phụ đạt trên 6500 ha, đến năm 2020 đạt trên 7.000 ha cây vụ đông, trong đó tăng diện tích cây trồng có hợp đồng tiêu thụ và cây trồng sản phẩm có thể bảo quản được lâu dài, không bị tác động của thời tiết bất thuận lúc thu hoạch (nhóm dưa, bí các loại). Trước

mất, vụ đông năm 2016 phấn đấu đạt trên 700 tỷ đồng chiếm 40% giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra và đảm bảo mức tăng trưởng vụ đông đến năm 2020; Huyện Quỳnh Phụ cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số giải pháp sau.

3.4.2. Một số giải pháp chủ yếu

** Giải pháp về sản xuất*

- Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Mùa phải gắn kế hoạch sản xuất vụ Đông với phương châm vụ Mùa là tiền đề tạo quỹ đất cho sản xuất vụ Đông nhất là cây vụ đông ưa ấm.

- Gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, từng bước nâng cao tỷ trọng hàng hóa nông sản được tiêu thụ thông qua hợp đồng, từng bước thực hiện tốt mối liên kết 4 nhà, đảm bảo ổn định sản xuất lâu dài, bền vững môi trường.

- Tăng cường công tác huấn luyện, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân nắm vững kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng đồng thi nâng cao nhận thức để chủ động trong quá trình sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

** Giải pháp về kỹ thuật*

Cùng với giải pháp về sản xuất cần lựa chọn cơ cấu giống cây trồng hợp lý ở cả 2 vụ lúa và vụ đông. Nhóm cây vụ Đông ưa ấm: Thời vụ tương đối khắt khe; tập trung gieo trồng từ cuối tháng 8 đến ngày 5 tháng 10. Những loại cây có thể gieo trồng giai đoạn cây con trong bầu nên làm bầu to để tận dụng thời vụ và chăm sóc cây con ngay trong bầu như nhóm cây ớt, ngô và dưa

bí... Áp dụng hình thức rẽ lúa đặt bầu để đảm bảo thời vụ và tận dụng tối đa diện tích có thể trồng. Các giống phổ biến hiện nay là: Bí xanh số 1, số 2; bí đá; dưa hấu; dưa chuột, bí đỏ.

- Cây ngô: Thời vụ gieo trồng xong trước 5/10 để ngô tung phấn, trổ cờ, phun râu trước ngày 20/11 hàng năm. Riêng ngô ngọt, ngô nếp, ngô rau, thời vụ trồng các loại ngô này có thể đến 15/10

- Cây đậu tương: Là cây dễ gieo trồng, đầu tư chi phí thấp, tốn ít công, nhưng khá khát khe về thời vụ, cần sử dụng giống có năng suất cao như ĐT84, ĐT12 và AK03... gieo trồng xong trước ngày 10/10. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật trồng đậu tương đồng theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp.

- Cây khoai tây: Thời vụ trồng không khát khe, có thể kéo dài từ 20/10 đến 15/11, sử dụng giống khoai tây Solara (Đức); giống Atlantic (Mỹ), Sinora (Hà Lan)

- Nhóm rau quả thực phẩm các loại: có thời vụ dài hơn nên có thể bố trí vụ rau sớm và vụ rau muộn thường cho giá trị kinh tế rất cao như nhóm rau ăn lá ngắn ngày, dưa, bí, củ cải, đậu cô ve, cà chua...

* Giải pháp về cơ chế chính sách phát triển sản xuất vụ Đông

Cần quy hoạch, bố trí cây trồng hợp lý giữa các vùng phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, điều kiện canh tác của hộ dân. Từ đó, có hướng đầu tư chuyên canh nâng cao chất lượng theo nhu cầu của thị trường tiêu dùng nội địa và chế biến, xuất khẩu vừa đảm bảo tăng năng suất, vừa đạt hiệu quả cao khi tiêu thụ, mở rộng quy mô và số lượng “cánh đồng mẫu” ở vụ Đông để tạo bước đột phá đối với sản xuất hàng hóa.

Tiếp tục thực hiện và sửa đổi bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đã được ban hành. Bổ sung chính sách hỗ trợ mua máy lên luống khoai tây, xây dựng, điều chỉnh bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất vụ Mùa, vụ Đông trên cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao các loại cây trồng đặc thù của huyện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến nông. Ngoài chính sách hỗ trợ

của tỉnh, huyện, các địa phương căn cứ vào yêu cầu và điều kiện cụ thể của mình có chính sách hỗ trợ riêng để khuyến khích hộ nông dân, đặc biệt là các hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và các thành phần kinh tế mở rộng diện tích vụ Đông đạt hiệu quả cao nhất.

4. KẾT LUẬN

Sản xuất cây vụ đông trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ đang dần trở thành vụ sản xuất chính, đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho người dân. Thực trạng phát triển sản xuất vụ đông trên địa bàn huyện cho thấy quy mô, diện tích gieo trồng không ngừng tăng lên; cơ cấu cây trồng ngày càng đa dạng theo hướng tăng cơ cấu các loại cây có giá trị kinh tế cao như ớt, bí xanh, khoai tây; thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng mở hơn với sự tham gia của các doanh nghiệp chế biến nông sản phẩm trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, sản xuất vụ đông của huyện còn đối mặt với không ít khó khăn, trong đó phải kể đến giá vật tư tăng cao, thị trường tiêu thụ chưa thực sự ổn định do hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ở các xã chưa làm tốt vai trò trung gian của mình trong khâu kết nối giữa doanh nghiệp và người dân.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất vụ đông trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ, bao gồm cả yếu tố tích cực và yếu tố tiêu cực. Để khắc phục và giải quyết các rào cản trên, nghiên cứu đề ra các nhóm giải pháp về sản xuất, kỹ thuật và chính sách; trong đó, nhấn mạnh chính sách hính sách hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp, hỗ trợ các hộ dân có điều kiện kinh tế kém trong việc đầu tư mở rộng diện tích sản xuất nhằm nâng cao chất lượng theo nhu cầu của thị trường tiêu dùng nội địa và chế biến, xuất khẩu.

Phát triển sản xuất vụ đông ở huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình có ý nghĩa lớn trong phát triển kinh tế xã hội của huyện. Tiềm năng phát triển vụ đông của huyện còn rất lớn, huyện cần có chiến lược và có quy hoạch cụ thể để phát triển các loại cây trồng phù hợp với điều kiện về đất đai, lao động ở từng vùng, từng địa phương nhằm phát triển vụ đông bền vững.

Giải pháp phát triển sản xuất cây vụ đông trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo tổng kết công tác Nông nghiệp & PTNT năm 2011 – 2013 của UBND huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình.

Đề án sản xuất vụ đông năm 2011, 2012, 2013 của UBND huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ lần thứ 14 nhiệm kỳ 2010-2015.

Nghị Quyết số 02 của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Bình về Phát triển cây màu, cây vụ đông giai đoạn 2007-2012.